

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 398/2022/DS-PT

Ngày: 16-12-2022

V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thu

*Các Thẩm phán:* Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 403/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 129/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 423/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Khuru Phương Q, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

***Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1984;

Địa chỉ: T, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận. (Giấy ủy quyền ngày 27-4-2022).

Địa chỉ liên hệ: 91/9 phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Bị đơn:***

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970;

2. Ông Lê Văn T, sinh năm 1959;

Cùng địa chỉ: T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị H:* Luật sư Huỳnh Như H1 – Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hiệp Nhất, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn H2, sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn T – Bị đơn.

(Các đương sự bà H, ông T và ông H1 có mặt; ông T1 và ông H2 vắng mặt tại phiên tòa).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 10-12-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Khuru Phương Q do ông Nguyễn Văn Thế đại diện trình bày:*

Ngày 10-5-2021, bà Khuru Phương Q và bà Nguyễn Thị H có ký hợp đồng đặt cọc số tiền 30.000.000 đồng để giao dịch chuyển nhượng thửa đất số 646 tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp Rừng Sến, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 581338, số vào sổ cấp GCN CS 09686 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 15-5-2020.

Đến ngày 24-5-2021, bà Khuru Phương Q cùng chồng của bà Nguyễn Thị H (sống chung không có đăng ký kết hôn) là ông Lê Văn T có ký hợp đồng đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng cũng để thỏa thuận chuyển nhượng thửa đất số 646 tờ bản đồ số 14 tại địa chỉ ấp Rừng Sến, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 581338, số vào sổ cấp GCN CS 09686 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 15-5-2020. Do đó, đến ngày 24-5-2021 bà Phương Q đã đặt cọc cho bà H và ông T với tổng số tiền là 80.000.000 đồng để giao dịch chuyển nhượng thửa đất số 646 tờ bản đồ số 14 tại địa chỉ ấp Rừng Sến, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 581338, số vào sổ cấp GCN CS 09686 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 15-5-2020.

Theo nội dung của hai giấy nhận cọc thì ông T và bà H còn cam kết đất không có quy hoạch, không bị tranh chấp, nếu bị quy hoạch, bị tranh chấp hai bên sẽ hủy hợp đồng đặt cọc trả lại bà Q số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Các bên thỏa thuận đến ngày 25-06-2021 sẽ đến Văn Phòng Công chứng làm thủ tục chuyển nhượng sang tên cho bà Q thửa đất nói trên.

Tuy nhiên, đến ngày 23-6-2021, bà Q nhận được công văn số 1569/CV – CNVPDKĐĐ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đức Hòa về việc xác nhận thông tin quy hoạch sử dụng đất với nội dung “thửa đất số 646, tờ bản đồ số 14, vị trí thửa đất tại xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thuộc vùng quy hoạch đất ở nông thôn và khai thác khoáng sản (ONT + SKX)”.

Từ những lý do trên, bà Khuru Phương Q yêu cầu: Tuyên vô hiệu hợp đồng đặt cọc ngày 10-5-2021, buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Q số tiền 30.000.000 đồng; tuyên vô hiệu hợp đồng đặt cọc ngày 24-5-2021, buộc ông Lê Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Q số tiền 50.000.000 đồng; buộc bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn T phải trả cho bà Q số tiền phạt cọc là 80.000.000 đồng. Tổng số tiền bà Q yêu cầu bà H và ông T có trách nhiệm trả cho bà Khuru Phương Q là 160.000.000 đồng.

Bà Khuru Phương Q không còn tranh chấp nào khác liên quan đến thửa đất số 646, tờ bản đồ số 14, tại địa chỉ ấp Rừng Sến, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 581338, số vào sổ cấp GCN CS 09686 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 15-5-2020 cho bà Nguyễn Thị H.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn T trình bày:*

Ông T và bà H sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà H và ông T thống nhất giữa bà H, ông T và bà Q có ký hai giấy nhận cọc ngày 10-5-2021 và giấy nhận cọc ngày 24-5-2021 để thỏa thuận chuyển nhượng thửa đất số 646, tờ bản đồ số 14 tại địa chỉ ấp Rừng Sến, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 581338, số vào sổ cấp GCN CS 09686 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 15-5-2020. Ông bà có nhận số tiền 80.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày nhưng ông và bà H không sai thỏa thuận như ông Thế trình bày. Bởi vì ông T cho rằng căn cứ vào công văn số 148/CNVPĐKĐĐ – ĐĐ ngày 19-01-2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Hòa thì thửa đất số 646, tờ bản đồ số 14, tại địa chỉ ấp Rừng Sến, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 581338, số vào sổ cấp GCN CS 09686 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 15-5-2020 cấp cho bà H thuộc vùng quy hoạch đất ở nông thôn nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không đồng ý trả lại tiền cọc và tiền phạt cọc.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H2 trình bày:*

Ông H2 là chồng của bà Khuru Phương Q. Ông H2 thống nhất toàn bộ phần trình bày cũng như yêu cầu khởi kiện của bà Q. Đề nghị Tòa án tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q. Tiền đặt cọc là tiền của bà Q, ông không liên quan nên đề nghị Tòa án tuyên giao số tiền đặt cọc và phạt cọc cho cá nhân bà Q. Ông cam kết không khiếu nại về sau.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 129/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa quyết định:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 40, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các điều 117, 131, 328, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, 14, 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Khuru Phương Q về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc” với bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn T.

Vô hiệu hợp đồng đặt cọc ngày 10-5-2021 giữa bà Khuru Phương Q và bà Nguyễn Thị H đối với thửa đất số 646, diện tích 97m<sup>2</sup> tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp Rừng Sên, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 581338, sổ vào sổ cấp GCN CS 09686 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 15-5-2020 cho bà Nguyễn Thị H. Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Khuru Phương Q số tiền đặt cọc là 30.000.000 đồng.

Vô hiệu hợp đồng đặt cọc ngày 24-5-2021 giữa bà Khuru Phương Q và ông Lê Văn T đối với thửa đất số 646, diện tích 97m<sup>2</sup> tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp Rừng Sên, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 581338, sổ vào sổ cấp GCN CS 09686 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 15-5-2020 cho bà Nguyễn Thị H. Buộc ông Lê Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Khuru Phương Q số tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Khuru Phương Q về việc buộc bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn T phải trả cho bà Q số tiền phạt cọc là 80.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30-8-2022, bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn T kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng chỉ đồng ý trả lại 50.000.000 đồng tiền nhận cọc, không đồng ý trả số tiền 30.000.000 đồng nhận cọc.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Ngày 10-5-2021, bà Q và bà H có ký hợp đồng đặt cọc số tiền 30.000.000 đồng. Đến ngày 24-5-2021, bà Q ông có ký hợp đồng đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng nhằm để thỏa thuận chuyển nhượng thửa đất số 646 tờ bản đồ số 14 do bà H đứng tên. Hai bên có thỏa thuận nếu đất có quy hoạch thì trả lại tiền nhận cọc nhưng đất không có quy hoạch, vẫn chuyển nhượng được nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận kháng cáo của bà H.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:*

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đơn kháng cáo của các bị đơn trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: ngày 10-5-2021, bà Q và bà H có ký hợp đồng đặt cọc số tiền 30.000.000 đồng. Đến ngày 24-5-2021, bà Q ông có ký hợp đồng đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng nhằm để thỏa thuận chuyển nhượng thửa đất số 646 tờ bản đồ số 14 do bà H đứng tên. Hai bên có thỏa thuận nếu đất có quy hoạch thì trả lại tiền nhận cọc. Theo Công văn số 2575/CNVPĐKĐĐ - HCTH ngày 29-7-2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Hòa xác định thửa đất số 646, loại đất ở tại nông thôn, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp Rừng Sến, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thuộc vùng quy hoạch đất ở nông thôn và khai thác khoáng sản (ONT + SKX). Do đó, bà H và ông T phải trả lại tiền đặt cọc cho bà Q. Kháng cáo của bà H và ông T là không có căn cứ chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Đơn kháng cáo của các bị đơn được làm đúng theo quy định tại các điều 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn T kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng chỉ đồng ý trả lại cho bà Q 50.000.000 đồng tiền nhận cọc, không đồng ý trả số tiền 30.000.000 đồng nhận cọc nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ xem xét trong phạm vi kháng cáo, các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[2] Nguyên đơn bà Khuru Phương Q do ông Nguyễn Văn Thế đại diện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Lê Văn H2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Các đương sự thống nhất, giữa bà Q và ông T, bà H có ký kết hợp đồng đặt cọc ngày 10-5-2021 và ngày 24-5-2021. Theo đó, bà H sẽ chuyển nhượng cho bà Q phần đất có diện tích 97m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 646, tờ bản đồ số 14, loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp Rừng Sến, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Giá chuyển nhượng phần đất nêu trên là 600.000.000 đồng. Các bên thống nhất tổng số tiền đã đặt cọc là 80.000.000 đồng. Theo hợp đồng đặt cọc ngày 10-5-2021, hai bên thỏa thuận thời hạn đặc cọc là 30 ngày kể từ ngày 10-5-2021 đến hết ngày 25-6-2021.

[4] Ông T bà H cho rằng ông bà không có lỗi dẫn đến hợp đồng bị vô hiệu nên không đồng ý trả lại tiền đặt cọc 50.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền nhận cọc 30.000.000 và tiền phạt cọc vì căn cứ vào công văn số 148/CNVPĐKĐĐ – ĐĐ ngày 19-01-2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Hòa thì thửa đất số 646, tờ bản đồ số 14, cấp cho bà H thuộc vùng quy hoạch đất ở nông thôn và vẫn được chuyển nhượng.

[5] Thấy rằng, trong cả hai hợp đồng đặt cọc đều nêu rõ việc thỏa thuận như sau: nếu đất có tranh chấp, quy hoạch sẽ trả lại tiền cọc. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[6] Tại Công văn số 2575/CNVPĐKĐĐ - HCTH ngày 29-7-2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Hòa xác định thửa đất số 646, loại đất ở tại nông thôn, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp Rừng Sến, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thuộc vùng quy hoạch đất ở nông thôn và khai thác khoáng sản (ONT + SKX). Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H và ông T cung cấp Công văn số 148/CNVPĐKĐĐ - ĐĐ ngày 19-01-2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Hòa để cho rằng đất không có quy hoạch, nhưng tại công văn này cũng xác định thửa đất số 646, tờ bản đồ số 14 thuộc vùng quy hoạch đất ở nông thôn.

[7] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Q buộc bà H trả lại tiền đặt cọc 30.000.000 đồng và ông T trả lại tiền đặt cọc 50.000.000 đồng cho bà Q và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q về yêu cầu bà H và ông T phải trả số tiền phạt cọc 80.000.000 đồng là có căn cứ. Kháng cáo của bà H và ông T chỉ đồng ý trả số tiền 50.000.000 đồng nhận cọc là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Văn T được miễn án phí do là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm do giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[9] Phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà H là không có cơ sở chấp nhận; phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà H và ông T là có căn cứ.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn T;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 129/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa;

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 40, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 117, 131, 328, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, 14, 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Khuru Phương Q về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc” với bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn T.

Vô hiệu hợp đồng đặt cọc ngày 10-5-2021 giữa bà Khuru Phương Q và bà Nguyễn Thị H đối với thửa đất số 646, diện tích 97m<sup>2</sup> tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp Rừng Sến, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 581338, sổ vào sổ cấp GCN CS 09686 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 15-5-2020 cho bà Nguyễn Thị H. Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Khuru Phương Q số tiền đặt cọc là 30.000.000 đồng.

Vô hiệu hợp đồng đặt cọc ngày 24-5-2021 giữa bà Khuru Phương Q và ông Lê Văn T đối với thửa đất số 646, diện tích 97m<sup>2</sup> tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp Rừng Sến, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 581338, sổ vào sổ cấp GCN CS 09686 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 15-5-2020 cho bà Nguyễn Thị H. Buộc ông Lê Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Khuru Phương Q số tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Khuru Phương Q về việc buộc bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn T phải trả cho bà Q số tiền phạt cọc là 80.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 1.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Khuru Phương Q phải chịu 4.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 4.600.000 đồng theo các biên lai thu số 0009250; 0009251; 0009252 và 0009253 cùng ngày 13-12-2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để thi hành án phí, hoàn lại bà Q 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Văn T được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011699 ngày 05-9-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để thi hành án phí.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thu**



